

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN ĐHQGHN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

ĐỊNH HƯỚNG: ỨNG DỤNG

CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ KINH TẾ

MÃ SỐ: 60340410

*(Ban hành theo Quyết định số 3907/QĐ-ĐHQGHN, ngày 14 tháng 10 năm 2015
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt: Quản lý kinh tế

+ Tiếng Anh: Economic Management

- Mã số chuyên ngành đào tạo: 60340410

- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

- Thời gian đào tạo: 2 năm

- Tên văn bằng tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: Thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế

+ Tiếng Anh: The Degree of Master in Economic Management

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế định hướng ứng dụng có kiến thức chuyên môn và kỹ năng hoạt động quản lý kinh tế, phát huy và sử dụng hiệu quả kiến thức chuyên ngành vào việc thực hiện các công việc cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ quan, tổ chức, đơn vị kinh tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế định hướng ứng dụng được thiết kế nhằm đào tạo các thạc sĩ có kiến thức chuyên sâu về quản lý

kinh tế, có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo; có khả năng tổ chức thực thi chính sách quản lý kinh tế, phát huy và sử dụng hiệu quả kiến thức chuyên ngành quản lý kinh tế vào việc thực hiện các công việc quản lý cụ thể.

Người học có thể học bổ sung một số kiến thức cơ sở ngành và phương pháp nghiên cứu theo yêu cầu của chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ để tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh

- Thi tuyển với các môn thi sau đây:
 - + Môn thi Cơ bản: Quản trị học
 - + Môn thi Cơ sở: Kinh tế chính trị
 - + Môn Ngoại ngữ: Tiếng Anh

3.2. Đối tượng tuyển sinh

3.2.1. Điều kiện văn bằng

- **Nhóm 1:** Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Kinh tế có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Quản lý kinh tế;
- **Nhóm 2:** Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Kinh tế không có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Quản lý kinh tế hoặc ngành Kinh tế quốc tế và có chứng chỉ bổ sung kiến thức với chương trình gồm 5 học phần (15 tín chỉ);
- **Nhóm 3:** Có bằng tốt nghiệp đại học các ngành: Tài chính – Ngân hàng; Bảo hiểm; Kế toán; Kiểm toán, Quản trị kinh doanh; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị khách sạn; Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống; Bất động sản; Marketing; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại, Khoa học quản lý, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng và có chứng chỉ bổ sung kiến thức với chương trình gồm 7 học phần (21 tín chỉ);
- **Nhóm 4:** Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành khác và có chứng chỉ bổ sung kiến thức với chương trình gồm 9 học phần (27 tín chỉ).

3.2.2. Điều kiện thâm niên công tác

Thí sinh dự thi phải có ít nhất hai năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực liên quan đến quản lý kinh tế, kể cả người có bằng tốt nghiệp đại học loại khá trở lên (tính từ ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp đến ngày nộp hồ sơ dự thi) tại một trong những vị trí, lĩnh vực công tác sau đây:

- Lãnh đạo, chuyên viên, nghiên cứu viên các đơn vị có chức năng nghiên cứu, xây dựng, đề xuất các chính sách quản lý kinh tế của nhà nước hoặc của các cơ quan hành chính, sự nghiệp nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức xã hội;
- Giảng viên giảng dạy các học phần thuộc lĩnh vực quản lý kinh tế tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước;
- Lãnh đạo từ cấp phó phòng hoặc tương đương trở lên tại các tập đoàn kinh tế, các tổ chức kinh tế nhà nước và tư nhân.

3.3. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức

- Đối với đối tượng thuộc Nhóm 2 mục 3.2.1, danh mục các học phần bổ sung kiến thức gồm 5 học phần (15 tín chỉ):

- | | | |
|---|---------------------------------|-------------|
| + | Kinh tế vi mô | (3 tín chỉ) |
| + | Kinh tế vĩ mô | (3 tín chỉ) |
| + | Quản trị học | (3 tín chỉ) |
| + | Quản lý nhà nước về kinh tế | (3 tín chỉ) |
| + | Kinh tế học tiền tệ - ngân hàng | (3 tín chỉ) |

- Đối với đối tượng thuộc Nhóm 3 mục 3.2.1, danh mục các học phần bổ sung kiến thức gồm 7 học phần (21 tín chỉ):

- | | | |
|---|---------------------------------|-------------|
| + | Kinh tế vi mô | (3 tín chỉ) |
| + | Kinh tế vĩ mô | (3 tín chỉ) |
| + | Quản trị học | (3 tín chỉ) |
| + | Quản lý nhà nước về kinh tế | (3 tín chỉ) |
| + | Kinh tế học tiền tệ - ngân hàng | (3 tín chỉ) |
| + | Khoa học quản lý | (3 tín chỉ) |
| + | Kinh tế quốc tế | (3 tín chỉ) |

- Đối với đối tượng thuộc Nhóm 4 mục 3.2.1, danh mục các học phần bổ sung kiến thức gồm 9 học phần (27 tín chỉ):

- | | | |
|---|---------------------------------|-------------|
| + | Kinh tế vi mô | (3 tín chỉ) |
| + | Kinh tế vĩ mô | (3 tín chỉ) |
| + | Quản trị học | (3 tín chỉ) |
| + | Quản lý nhà nước về kinh tế | (3 tín chỉ) |
| + | Kinh tế học tiền tệ - ngân hàng | (3 tín chỉ) |
| + | Khoa học quản lý | (3 tín chỉ) |

+	Kinh tế quốc tế	(3 tín chỉ)
+	Marketing	(3 tín chỉ)
+	Kế toán	(3 tín chỉ)

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Chuẩn về kiến thức và năng lực chuyên môn

1.1. Chuẩn về kiến thức

- Tích lũy và nâng cao kiến thức chuyên môn về quản lý kinh tế bao hàm các nội dung chuyên sâu về quản lý các tổ chức công (thông qua các học phần Quản lý công & lãnh đạo hay Quản trị chiến lược trong các tổ chức công, Quản lý tài chính công) và các nội dung chuyên sâu về quản lý chiến lược thông qua các học phần như Quản lý nhà nước về kinh tế nâng cao, Nhà nước thị trường và quản trị quốc tế); từ đó hiểu và ứng dụng được kiến thức để tổng hợp, phân tích, luận giải các chính sách và các hoạt động quản lý kinh tế tại đơn vị công tác và thực hành tốt các công việc cụ thể về quản lý kinh tế;

- Làm chủ kiến thức chuyên ngành, có thể đảm nhiệm công việc của chuyên gia trong lĩnh vực được đào tạo; có tư duy phản biện; có kiến thức lý thuyết chuyên sâu để có thể phát triển kiến thức mới và tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiên sĩ; có kiến thức tổng hợp về pháp luật, quản lý và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực được đào tạo;

- Có trình độ ngoại ngữ tối thiểu tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2.2. Năng lực chuyên môn

- Có khả năng phát hiện và tổ chức thực hiện các công việc trong hoạt động quản lý kinh tế, phát huy và sử dụng hiệu quả kiến thức chuyên ngành quản lý kinh tế vào việc thực hiện các công việc cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ quan, tổ chức, đơn vị kinh tế; có thể làm chủ và có khả năng áp dụng các kiến thức về quản lý kinh tế trong triển khai, tổng kết, đánh giá và phản biện các chính sách

kinh tế của nhà nước; triển khai, đánh giá hoạt động quản lý kinh tế các cấp và có kỹ năng xử lý tốt các tình huống đặt ra của quản lý;

- Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên môn đào tạo và đề xuất những sáng kiến có giá trị; có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn; đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ; bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn; có khả năng xây dựng, thẩm định kế hoạch; có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao; có khả năng dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề lớn.

2. Chuẩn về kỹ năng

2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

- Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo; có kỹ năng nghiên cứu độc lập để phát triển và thử nghiệm những giải pháp mới, phát triển các công nghệ mới trong lĩnh vực được đào tạo;

- Có năng lực lập luận, tư duy theo cách tiếp cận hệ thống, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực quản lý kinh tế;

- Có năng lực áp dụng những vấn đề lý thuyết vào thực tiễn xây dựng và thực thi chiến lược, chính sách;

- Có năng lực hoạch định, phát triển thành chuyên gia cao cấp về phân biện chiến lược, chính sách và quyết định quản lý kinh tế ở tầm vĩ mô và vi mô.

2.2. Kỹ năng bổ trợ

- Có các kỹ năng tự nghiên cứu, tư vấn lãnh đạo, xử lý tình huống, ứng phó với sự thay đổi...

- Có các kỹ năng làm việc nhóm, phối hợp các thành viên nhóm, lãnh đạo nhóm;

- Có năng lực sử dụng tốt các phần mềm Microsoft Office (Word, Excel, Power Point) và một số phần mềm thống kê trong phân tích kinh tế;

- Các kỹ năng giao tiếp, thuyết trình các vấn đề về chính sách, chương trình hành động của các tổ chức công và tư trong quản lý kinh tế;

- Có kỹ năng ngoại ngữ chuyên ngành ở mức có thể hiểu được một báo cáo hay bài phát biểu về hầu hết các chủ đề trong công việc liên quan đến ngành được đào tạo; có thể diễn đạt bằng ngoại ngữ trong hầu hết các tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết báo cáo liên quan đến công việc chuyên môn; có thể trình bày rõ ràng các ý kiến và phản biện một vấn đề kỹ thuật bằng ngoại ngữ.

3. Chuẩn về phẩm chất đạo đức

3.1. Trách nhiệm công dân

- Tuân thủ pháp luật, gương mẫu chấp hành nghiêm chỉnh quy chế làm việc trong tổ chức.

3.2. Đạo đức, ý thức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, thái độ phục vụ

- Có hành vi và lời nói chuẩn mực; có quan điểm kiên định, tự chủ và sáng tạo trong xử lý tình huống; Biết lắng nghe và phản biện;

- Tôn trọng đối tác, giữ chữ tín và cam kết, chuyên nghiệp, chủ động trong công việc; có tư duy logic; Có tinh thần trách nhiệm, tự tin giải quyết công việc.

3.3. Thái độ tích cực, yêu nghề

- Có trách nhiệm cao, chủ động đề xuất các giải pháp xử lý các tình huống kinh tế - xã hội phát sinh.

4. Vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

- **Nhóm 1: Cán bộ lãnh đạo, quản lý kinh tế tại các cơ quan quản lý nhà nước các cấp, bộ, ngành và địa phương:** có năng lực hoạch định, triển khai các chính sách kinh tế ở cả cấp độ vĩ mô và vi mô vào thực tế trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế. Đây chính là một nguồn nhân lực quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế của Việt Nam trong quá trình đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

- **Nhóm 2: Nhà quản lý kinh tế tại các tổ chức, doanh nghiệp:** Có kỹ năng triển khai các công cụ quản lý kinh tế vào thực tiễn, trên cơ sở thực thi quản lý, có thể đánh giá và phản biện các chính sách kinh tế của nhà nước, các chương trình, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế của các tổ chức kinh tế công và tư, góp phần giúp các cơ quan nhà nước thực thi quản lý kinh tế ngày càng hiệu quả hơn;

- **Nhóm 3: Các chuyên gia tư vấn thực thi chính sách cho các doanh nghiệp, cơ quan quản lý:** Có kỹ năng phân tích chính sách, trên cơ sở đó tư vấn giúp các doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước thực hiện đúng các chủ trương, chính sách kinh tế của nhà nước.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Thạc sĩ quản lý kinh tế theo định hướng ứng dụng sau khi tốt nghiệp có thể học bổ sung một số kiến thức cơ sở ngành và phương pháp nghiên cứu theo yêu cầu của chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ và tiếp tục học tập nâng cao trình độ ở bậc học tiến sĩ khi đáp ứng đủ các điều kiện xét tuyển theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

6. Các chương trình, tài liệu chuẩn quốc tế đã tham khảo

- Chương trình thạc sĩ Quản lý công, trường Quản lý công Lý Quang Diệu, Đại học quốc gia Singapore .

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo:	64 tín chỉ
- Khối kiến thức chung:	8 tín chỉ
- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành:	47 tín chỉ
+ <i>Bắt buộc:</i>	<i>25 tín chỉ</i>
+ <i>Tự chọn:</i>	<i>22/44 tín chỉ</i>
- Luận văn :	9 tín chỉ

2. Khung chương trình

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I	Khối kiến thức chung		8				
1	PHI 5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4	60			
2	ENG 5001	Tiếng Anh cơ bản <i>English for General Purposes</i>	4	40	20		
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		47				
II.1	Các học phần bắt buộc		25				
3	PEC 6017	Quản lý công và lãnh đạo <i>Public Management and Leadership</i>	3	35	10		
4	PEC 6119	Nghèo đói, bất bình đẳng và chính phủ ở các nước kém phát triển <i>Poverty, Inequality and Government in Less Developed Countries</i>	3	30	15		
5	PEC 6018	Phân tích chính sách kinh tế - xã hội <i>Socio-Economic Policy Analysis</i>	3	35	10		
6	PEC 6019	Quản lý nhà nước về kinh tế nâng cao <i>Advanced State Management on Economy</i>	3	35	10		
7	PEC 6121	Quản trị chiến lược trong các tổ chức công <i>Strategic Management in Public Organisations</i>	3	30	15		
8	INE 6001	Thiết kế nghiên cứu luận văn <i>Dissertation Research Design</i>	2	20	10		
9	PEC 6125	Nhà nước, thị trường và quản trị quốc tế <i>States, Markets and International Governnance</i>	3	35	10		

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
10	FIN 6020	Phân tích các vấn đề về tiền tệ và ngân hàng <i>Analytical Issues in Money & Banking</i>	2	20	10		
11	PEC 6044	Các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô <i>Macroeconomic Management Tools</i>	3	30	15		
II.2	Các học phần tự chọn		22/44				
12	PEC 6024	Toàn cầu hóa và chính sách công <i>Globalisation and Public Policy</i>	2	20	10		
13	INE 6022	Chính sách và các vấn đề tài chính quốc tế <i>International Financial Policy and Issues</i>	2	20	10		
14	PEC 6123	Quản lý khoa học công nghệ <i>Science and Technology Management</i>	3	30	15		
15	PEC 6126	Chính sách xã hội: các vấn đề và những sự lựa chọn <i>Social Policy: Issues and Options</i>	3	30	15		
16	PEC 6127	Quản lý tài nguyên và môi trường <i>Environment and Natural Resources Management</i>	3	30	15		
17	PEC 6128	Những vấn đề về chính sách thị trường lao động <i>Labour Market Policy Issues</i>	3	30	15		
18	FIN 6140	Quản lý tài chính công <i>Public Financial Management</i>	3	30	15		
19	PEC 6030	Đàm phán và quản lý xung đột <i>Negotiation and Conflict Management</i>	3	30	15		

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
20	FIN 6021	Quản trị tài chính dành cho các nhà hoạch định chính sách <i>Financial Management for Policy Makers</i>	2	20	10		
21	INE 6020	Kinh tế học ứng dụng trong lĩnh vực công <i>Applied Public Sector Economics</i>	2	20	10		
22	PEC 6133	Quản lý an ninh kinh tế <i>Economic Security Management</i>	3	30	15		
23	PEC 6132	Phụ nữ trong quản lý tổ chức công <i>Women in Public Organisational Management</i>	3	30	15		
24	INE 6105	Lý thuyết kinh tế vi mô <i>Microeconomics Theories</i>	3	30	15		
25	INE 6103	Lý thuyết kinh tế vĩ mô <i>Macroeconomics Theories</i>	3	30	15		
26	PEC 6042	Quản lý kho bạc nhà nước <i>The State Treasury Management</i>	3	30	15		
27	PEC 6043	Quản lý ngân sách nhà nước <i>The State budget Management</i>	3	30	15		
III		Luận văn thạc sĩ <i>Thesis</i>	9				
Tổng cộng			64				

Ghi chú: (*) Học phần ngoại ngữ cơ bản là học phần điều kiện, có khối lượng 4 tín chỉ, được tổ chức đào tạo chung trong toàn ĐHQGHN cho các học viên có nhu cầu và được đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương. Kết quả đánh giá học phần ngoại ngữ không tính trong điểm trung bình chung tích lũy nhưng vẫn tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo.

3. . Danh mục tài liệu tham khảo

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc, 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
1.	PHI 5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4	
2.	ENG 5001	Tiếng Anh cơ bản (không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy) <i>English for General Purposes</i>	4	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc, 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
3.	PEC 6017	Quản lý công và Lãnh đạo <i>Public Management and Leadership</i>	3	<p>1. Tài liệu bắt buộc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phan Huy Đường (chủ biên) 2014, Quản lý công, NXB ĐHQGHN. - Phan Huy Đường (chủ biên) 2014, Lãnh đạo các khu vực công, NXB ĐHQGHN. <p>2. Tài liệu tham khảo thêm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngân hàng thế giới, Báo cáo phát triển Việt Nam 2005: Quản lý và điều hành. - Jay Shafritz and Albert Hyde (eds.), Classics of Public Administration, 4th Edition (San Diego: Harcourt-Brace College Books Division, 1997). - Jay Shafritz and E.W. Russell, Introducing Public Administration (Longman- Addison-Wesley, 2003). - Eileen Milner; Paul Joyce, Lessons in Leadership: Meeting Challenges of Public Service Management, Routledge, 2005

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc, 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
4.	PEC 6119	Nghèo đói, bất bình đẳng và chính phủ ở các nước chậm phát triển <i>Poverty, Inequality and Government in Less Developed Countries</i>	3	1.Học liệu chính: - E.Wayne Nafziger (1998), Kinh tế học của các nước đang phát triển, NXB Thống kê - Trung tâm thông tin dự báo KT-XH Quốc Gia, Bộ kế hoạch và đầu tư (2007), Tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam: Thành tựu, thách thức và giải pháp. - WB (2006), Báo cáo phát triển thế giới 2006: Công bằng và phát triển, NXB Văn hóa – Thông tin 2. Học liệu tham khảo: - UNDP (2007), An sinh xã hội ở Việt Nam lũy tiến đến mức nào? - UNDP (2004), Chính sách và tăng trưởng vì người nghèo: Kinh nghiệm Châu Á.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc, 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
5.	PEC 6018	Phân tích chính sách kinh tế - xã hội <i>Socio-Economic Policy Analysis</i>	3	<p>1. Tài liệu bắt buộc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường ĐHKT, ĐHQGHN: Giáo trình <i>Phân tích chính sách kinh tế - xã hội</i> (Giáo trình nội bộ - 2008). - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội: Giáo trình <i>Chính sách kinh tế xã hội</i>. Nxb Khoa học và kỹ thuật. Hà Nội -1999 - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội: Giáo trình <i>Phân tích chính sách nông nghiệp, nông thôn</i>. Nxb Thống kê. Hà Nội – 2001. <p>2. Tài liệu tham khảo thêm :</p> <ul style="list-style-type: none"> - GS. TSKH. Lương Xuân Quỳ (Chủ biên): Quản lý nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Nxb Lý luận chính trị. Hà Nội – 2006. - Viện Khoa học xã hội Việt Nam (PGS.TS. Nguyễn Duy Dũng): Kinh nghiệm giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc của Nhật Bản. Nxb khoa học xã hội. Hà Nội – 2007. - Robert Wade: Điều tiết thị trường - lý thuyết kinh tế và vai trò của chính phủ trong công nghiệp hoá ở Đông Á. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội – 2005.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc, 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
6.	PEC 6019	Quản lý nhà nước về kinh tế nâng cao <i>Advanced State Management on Economy</i>	3	1. Tài liệu bắt buộc - Phan Huy Đường, Giáo trình Quản lý nhà nước về kinh tế, NXB ĐHQGHN 2010. 2. Tài liệu tham khảo thêm : - Nguyễn Đình Hương. Nhà nước và công cụ kinh tế vĩ mô. NXB GD 1998. - Mai Văn Bưu, Quản lý nhà nước về kinh tế, Giáo trình sau đại học, NXB KH-KT, 2001.
7.	PEC 6121	Quản trị chiến lược trong các tổ chức công <i>Strategic Management in Public Organisations</i>	3	1. Tài liệu bắt buộc - Hoàng Văn Hải, Quản trị chiến lược nâng cao, NXB ĐHQGHN 2010 2. Tài liệu tham khảo thêm - Raymond Alain- Thiétart, Chiến lược doanh nghiệp, NXB Thanh Niên, Hà Nội, 1999; - W. Chan Kim, Renee Mauborgne (Phuong Thuý dịch), Chiến lược đại dương xanh, NXB Tri thức, Hà Nội, 2007.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc, 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
8.	INE 6001	Thiết kế nghiên cứu luận văn <i>Dissertation Research Design</i>	2	<p>1. Tài liệu bắt buộc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Harrison, L. (2001): <i>Political Analysis: A Critical Introduction</i>, London: Palgrave Macmillan - Marsh, D. and Stoker, G. (1995): <i>Theory and Methods in Political Science</i>, London: Palgrave Macmillan - Nguyễn Thị Cành (2004). <i>Phương pháp và Phương pháp Luận Nghiên cứu Khoa học kinh tế</i>, NXB Đại Học Quốc Gia TPHCM, TP HCM 2004. <p>2. Tài liệu tham khảo thêm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Buckler, S. and Dolowitz D. (2005): <i>Politics on the Internet: A Student Guide</i>, London: Routledge - Landman T. (2003) <i>Issues and Methods in Comparative Politics: An Introduction</i>, London: Routledge - Đồng Thị Thanh Phương và Nguyễn Thị Ngọc An (2010). <i>Phương pháp Nghiên cứu Khoa học</i>. Nhà xuất bản Lao động Xã hội, 2010. - Vũ Cao Đàm (2006). <i>Phương pháp Luận Nghiên cứu Khoa học</i>, in lần thứ 10, Nhà xuất bản Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội 2006.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc, 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
9.	PEC 6125	Nhà nước, thị trường và quản trị quốc tế <i>States, Markets and International Governnace</i>	3	1. Tài liệu bắt buộc - Phạm Thị Túy (2011), <i>Phối hợp điều tiết giữa các nhà nước trong khủng hoảng kinh tế thế giới</i> . NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội. - Thomas Oatley (2007), <i>Kinh tế chính trị quốc tế: Các lợi ích và thể chế trong nền kinh tế toàn cầu</i> , Sách dịch, NXB North Carolina Chapel Hill Press. - Ngân hàng thế giới (1998), <i>Nhà nước trong một thế giới đang chuyển đổi</i> , NXB Chính trị quốc gia, Hà nội. 2. Tài liệu tham khảo thêm - Phạm Thị Hồng Điệp (2010), Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường từ một số học thuyết kinh tế cận, hiện đại và vận dụng vào Việt Nam, <i>Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia “Các lý thuyết kinh tế trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế toàn cầu và thực tiễn Việt Nam”</i> , NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, tr 232 – 249. - Phùng Xuân Nhạ (2007), <i>Công ty xuyên quốc gia: Lý thuyết và thực tiễn</i> , NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. - Đường Vinh Sường (2004), <i>Toàn cầu hóa kinh tế: Cơ hội và thách thức với các nước đang phát triển</i> , NXB Thế giới, Hà Nội. - S. Smith, J. Baylis, P. Owens, <i>Globalization of World Politics</i> , NXB Cambridge University Press. Bản dịch (tài liệu tham khảo nội bộ, trường ĐHKT – ĐHQGHN). - Thomas Friedman (2007), <i>Thế giới phẳng – Tóm lược lịch sử thế giới thế kỷ 21</i> , NXB Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc, 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
10.	FIN 6020	Phân tích các vấn đề về tiền tệ và ngân hàng <i>Analytical Issues in Money & Banking</i>	2	1. Tài liệu bắt buộc - Nguyễn Văn Tiến, Tài chính - Tiền tệ - Ngân hàng, NXB Thống kê, 2010. 2. Tài liệu tham khảo thêm - Fredric. S. Mishkin. Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính. NXB Khoa học và kỹ thuật. Hà nội 1994. - Carl E. Walsh. Monetary Theory and Policy, 2nd Edition, Nhà xuất bản MIT Press. 2005
11.	PEC 6044	Các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô <i>Macroeconomic Management Tools</i>	3	1. Tài liệu bắt buộc - Mohsin S. Khan, Saleh M. Nsouli, and Chorng-Huey Wong (ed.): <i>Macroeconomic Management Programs and Policies</i> , IMF, 2002. - Mankiw N.G: <i>Kinh tế học vĩ mô</i> . NXB Thống kê, 1997 2. Tài liệu tham khảo thêm - Mishkin, Frederick, <i>Macroeconomics: Policy and Practice</i> , Pearson Addison-Wesley, 2011 - Nguyễn Đình Hương. <i>Nhà nước và công cụ kinh tế vĩ mô</i> . NXB GD 1998.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc, 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
12.	PEC 6024	Toàn cầu hóa và chính sách công <i>Globalisation and Public Policy</i>	2	1. Tài liệu bắt buộc - Nguyễn Xuân Thắng, Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế, NXB ĐHQGHN, 2009 - Võ Đại Lộc, Bối cảnh quốc tế và những xu hướng điều chỉnh chính sách phát triển kinh tế ở một số nước lớn, NXB. KHXH, Hà Nội, 2003. 2. Tài liệu tham khảo thêm - Michael W. Weinstein, ed., Globalization: What's New, Columbia University Press, New York, 2005. - Barry Eichengreen, Globalizing Capital: A History of the International Monetary System, 2nd ed., Princeton University Press, Princeton and Oxford, 2008.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc, 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
13.	INE 6022	Chính sách và các vấn đề tài chính quốc tế <i>International Financial Policy and Issues</i>	2	1. Tài liệu bắt buộc - Nguyễn Văn Tiến: Tài chính Quốc tế hiện đại trong nền kinh tế mở. NXB Thống kê, Hà Nội, 2008 2. Tài liệu tham khảo thêm - Keith Pilbeam, International Finance. Palgrave Publisher, New – York, 1994. - Michael Melvin: International Money and Finance. Pearson Education, Inc. USA, 2004.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc, 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
14.	PEC 6123	Quản lý khoa học công nghệ <i>Science and Tecnology Management</i>	3	1. Tài liệu bắt buộc - <i>Khuyến nghị tiêu chuẩn thực tiễn cho điều tra nghiên cứu và phát triển</i> , Tài liệu hướng dẫn FRASCATI 2002 của OECD, NISTPASS, NXB Lao động, Hà Nội, 2004. - Lê Hoa, <i>Khoa học và Công nghệ Việt Nam</i> (các năm 1996-2005), Bộ KH-CN 2. Tài liệu tham khảo thêm - M.A. Schilling, <i>Strategic Management Technological Innovation</i> , McGrow Hill, 2005. - R. Hayes, Et. al, <i>Operations, Strategy, and Technology Pursuing the Competitive</i> , Edse, wiley, 2005

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc, 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
15.	PEC 6126	Chính sách xã hội: các vấn đề và những sự lựa chọn <i>Social Policy: Issues and Options</i>	3	1. Tài liệu bắt buộc - Đỗ Hoàng Toàn, Giáo trình quản lý xã hội, NXB Khoa học và kỹ thuật, 2006. 2. Tài liệu tham khảo thêm - Stephan Haggard and Robert R. Kaufman, Development, Democracy, and Welfare States, Princeton University Press 2008 - Cancian and Danziger (eds.) Changing Poverty, Changing Policies Russell Sage Foundation, 2009
16.	PEC 6127	Quản lý tài nguyên và môi trường <i>Environment and Natural Resources Management</i>	3	1. Tài liệu bắt buộc - Lưu Đức Hải, Nguyễn Ngọc Sinh (2008), Quản lý môi trường cho sự phát triển bền vững, NXB ĐHQGHN 2008 2. Tài liệu tham khảo thêm - Par David A. Anderson, Environmental economics and natural resource management, Routledge, 2010 - Jonathan M. Harris, Houghton- Mifflin (edited), Environmental and Natural Resource Economics: A Contemporary Approach, Houghton Mifflin Company 2006

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc, 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
17.	PEC 6128	Những vấn đề về chính sách thị trường lao động <i>Labour Market Policy Issues</i>	3	1. Tài liệu bắt buộc - GEORGE J.BORJAS, <i>Kinh tế học Lao Động – Labor Economics</i> , Đại học Harvard, xuất bản năm 2000 (đã dịch ra tiếng Việt). - Phạm Đức Chính, <i>Thị trường lao động: cơ sở lý luận và thực tiễn ở Việt Nam</i> , NXB chính trị quốc gia, 2005. 2. Tài liệu tham khảo thêm - Viện nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương, <i>một số vấn đề về phát triển thị trường lao động ở Việt Nam</i> , Nxb Khoa học và Kỹ thuật, 2003. - Phạm Quý Thọ, <i>Thị trường lao động Việt Nam- Thực trạng và các giải pháp phát triển</i> , Nxb Lao động – Xã hội, 2003. - Phan Huy Đường, <i>Quản lý nhà nước về lao động nước ngoài chất lượng cao ở Việt Nam</i> , Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, 2012.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc, 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
18.	FIN 6140	Quản lý tài chính công <i>Public Financial Management</i>	3	1. Tài liệu bắt buộc - EVK Fitzgerald, Kế hoạch hóa đầu tư khu vực công cho các nước đang phát triển, NXB Thế giới 2000 2. Tài liệu tham khảo thêm - Charles K. Coe, Governmental and Nonprofit Financial Management. Management Concepts, 2007 - Richard Aronson and Eli Schwartz (edited), Management Policies in Local Government Finance, International City 2004
19.	PEC 6030	Đàm phán và quản lý xung đột <i>Negotiation and Conflict Management</i>	2	1. Tài liệu bắt buộc - Thomas C. Schelling, Chiến lược xung đột (The Strategy of Conflict), NXB Trẻ, 2008. 2. Tài liệu tham khảo thêm - Richard G. Neal, Frances I. Felts, Bargaining Tactics: A Reference Manual for Public Sector Negotiations, Public Employee Relations Serv, 1981 - RTC (Responding to Conflict) ed. Working with Conflict: Skills and Strategies for Action, London: Zed Books, 2000.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc, 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
20.	FIN 6021	Quản trị tài chính dành cho các nhà hoạch định chính sách <i>Financial Management for Policy Makers</i>	2	1. Tài liệu bắt buộc - Lư Thị Hương (Chủ biên) Giáo trình tài chính doanh nghiệp, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, 2009 2. Tài liệu tham khảo thêm - Bringham and Davev, Intermediate Financial Management, Thomson Pusblisher, 2007 - Howard A. Frank, Public Financial Management, Taylor & Francis Group, 2006

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc, 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
21.	INE 6020	Kinh tế học ứng dụng trong lĩnh vực công <i>Applied Public Sector Economics</i>	2	1. Tài liệu bắt buộc - Hindricks J, Myles G, Intermediate public economics, MIT Press, 2006. - Leach J, A course in public economics, Cambridge Univ Press, 2004. 2. Tài liệu tham khảo thêm - Aktinson A, Stiglitz J, Lectures on public economics, McGraw-Hill, 1980. - Mueller D, Public Choice II, Cambridge Univ Press, 1989. [M] - Salanie B, The economics of taxation, MIT Press, 2003. [S] - Kaplow L, The theory of taxation and public economics, Princeton Univ Press.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc, 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
22.	PEC 6133	Quản lý an ninh kinh tế <i>Economic Security Management</i>	3	<p>1. Tài liệu bắt buộc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học viện An ninh nhân dân (2012), <i>Quản lý nhà nước về an ninh kinh tế</i>, Giáo trình cao học, Xưởng in Học viện An ninh nhân dân <p>2. Tài liệu tham khảo thêm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phạm Ngọc Hiền, Kiều Tiến Hùng, Nguyễn Trường Thọ, Nguyễn Trung Kiên (2011), <i>Hỏi đáp về Bảo vệ an ninh quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế</i>, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội. - Phạm Ngọc Hiền, Nguyễn Trường Thọ, Nguyễn Trung Kiên (2011), <i>Hội nhập kinh tế quốc tế, những vấn đề đặt ra đối với công tác công an</i>, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc, 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
23.	PEC 6132	Phụ nữ trong quản lý tổ chức công <i>Women in Public Organisational Management</i>	3	<p>1. Tài liệu bắt buộc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kellerman B. & Rhode D. L. (2008), <i>Phụ nữ và quyền lãnh đạo</i>, NXB Đồng Nai. - Jean Munro (2012), <i>Sự tham gia của phụ nữ trong vai trò lãnh đạo và quản lý ở Việt Nam</i>. Báo cáo chương trình Lãnh đạo nữ Cambridge-Việt Nam: Nâng cao năng lực lãnh đạo cho phụ nữ trong khu vực Nhà nước trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế (EOWP) của Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP). - Jean Munro (2012), <i>Nữ đại biểu Quốc hội ở Việt Nam: Hướng tới tương lai</i>. Báo cáo chương trình Lãnh đạo nữ Cambridge-Việt Nam: Nâng cao năng lực lãnh đạo cho phụ nữ trong khu vực Nhà nước trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế (EOWP) của Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP). <p>2. Tài liệu tham khảo thêm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuminez A.S., Duell K., Majid H. A. (2012), <i>Vươn tới đỉnh cao: Báo cáo về lãnh đạo nữ ở châu Á</i>. Trường Chính sách công Lý Quang Diệu, Đại học Quốc Gia Singapore (Dự án EOWP-UNDP dịch). - Sugui, R., Wodon, C., Stangu, M., (2012), <i>Bình đẳng giới và phát triển</i>, Báo cáo phát triển thế giới 2012 của Ngân hàng Thế giới.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc, 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
24.	INE 6105	Lý thuyết kinh tế vi mô <i>Microeconomics Theories</i>	3	1. Tài liệu bắt buộc - Edgar K.Browning, <i>Microeconomics theory and applications..</i> Fourth edition Harper Collins Publishers.1995. 2. Tài liệu tham khảo thêm - Edwin Mansfield- Gary Yohe, <i>Microeconomics</i> , tenth edition. W.W Norton & Company, Inc. 2004 - Hal R. Varian. <i>Intermediate Microeconomics</i> W.W.Norton& Company. 2007
25.	INE 6103	Lý thuyết kinh tế vĩ mô <i>Macroeconomics Theories</i>	3	1. Tài liệu bắt buộc - D. Rumor, <i>Advanced Macroeconomics</i> , McGraw-Hill, 1996 2. Tài liệu tham khảo thêm - N. G. Mankiw, <i>Kinh tế học vĩ mô</i> , NXB Thống kê và Trường Đại học kinh tế quốc dân, Hà nội 1997 - Scarth, William. <i>Macroeconomics: An Approach to Advanced Method</i> . Dryden, 1996.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc, 2. Tài liệu tham khảo thêm)</i>
26.	PEC 6042	Quản lý kho bạc nhà nước <i>The State Treasury Management</i>	3	1. Tài liệu bắt buộc Lê Hùng Sơn (2013), <i>Kho bạc nhà nước</i> , NXB Trường ĐHKD&CN 2. Tài liệu tham khảo - Joseph E Stiglitz (1995) <i>Kinh tế học công cộng</i> , NXB Khoa học kỹ thuật, Hà Nội. - Oracle Financial for Public Sector - Phần mềm lõi ứng dụng TABMIS. - TRM - Treasury References Model - Mô hình Kho bạc tham chiếu.
27.	PEC 6043	Quản lý ngân sách nhà nước <i>The State budget Management</i>	3	1. Tài liệu bắt buộc Lê Hùng Sơn (2013), <i>Ngân sách nhà nước</i> , NXB Trường ĐHKD&CN 2. Tài liệu tham khảo - Joseph E Stiglitz (1995) <i>Kinh tế học công cộng</i> , NXB Khoa học kỹ thuật, Hà Nội. - Trường Đại học kinh tế quốc dân (2002), <i>Giáo trình quản lý thuế</i> , Nxb thống kê. - Viện Nghiên cứu tài chính (2000), <i>Đổi mới chính sách tài khoá đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội 2001-2010</i>

4. Đội ngũ cán bộ giảng dạy

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Cán bộ giảng dạy			
				Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Đơn vị công tác
1.	PHI 5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4				
2.	ENG 5001	Tiếng Anh cơ bản (không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy) <i>English for General Purposes</i>	4				
3.	PEC 6017	Quản lý công và Lãnh đạo <i>Public Management and Leadership</i>	3	Phan Huy Đường Phạm Thị Hồng Điệp	GS.TS PGS.TS	KTCT KTCT	ĐHKT, ĐHQGHN
4.	PEC 6119	Nghèo đói, bất bình đẳng và chính phủ ở các nước kém phát triển <i>Poverty, Inequality and Government in Less Developed Countries</i>	3	Trần Quang Tuyền Nguyễn Thùy Anh	TS TS	KTH NCQT	ĐHKT, ĐHQGHN
5.	PEC 6018	Phân tích chính sách kinh tế - xã hội <i>Socio-Economic Policy Analysis</i>	3	Phạm Văn Dũng Trần Đức Hiệp	PGS.TS TS	KTCT KTCT	ĐHKT, ĐHQGHN

6.	PEC 6019	Quản lý nhà nước về kinh tế nâng cao <i>Advanced State Management on Economy</i>	3	Phan Huy Đường Phạm Thị Hồng Điệp	GS.TS PGS.TS	KTCT KTCT	ĐHKT, ĐHQGHN
7.	PEC 6121	Quản trị chiến lược trong các tổ chức công <i>Strategic Management in Public Organisations</i>	3	Nguyễn Trúc Lê Nguyễn Mạnh Hùng	TS TS	QTKD QTKD	ĐHKT, ĐHQGHN
8.	INE 6001	Thiết kế nghiên cứu luận văn <i>Dissertation Research Design</i>	2	Trần Quang Tuyến Trần Đức Hiệp	TS TS	KTH KTCT	ĐHKT, ĐHQGHN
9.	PEC 6125	Nhà nước, thị trường và quản trị quốc tế <i>States, Markets and International Governnance</i>	3	Phạm Thị Hồng Điệp Nguyễn Thuỳ Anh	PGS.TS TS	KTCT KTCT	ĐHKT, ĐHQGHN
10.	FIN 6020	Phân tích các vấn đề về tiền tệ và ngân hàng <i>Analytical Issues in Money & Banking</i>	2	Trần Thị Vân Anh Nguyễn Anh Tuấn	TS. TS.	TCNH TCNH	ĐHKT, ĐHQGHN

11.	PEC 6044	Các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô <i>Macroeconomic Management Tools</i>	3	Lê Quốc Hội Lê Thị Hồng Điệp	PGS.TS TS	KTH KTCT	ĐH KTQD ĐHKT, ĐHQGHN
12.	PEC 6024	Toàn cầu hóa và chính sách công <i>Globalisation and Public Policy</i>	2	Trần Đức Hiệp Nguyễn Thuỳ Anh	TS. TS.	KTCT KTCT	ĐHKT, ĐHQGHN
13.	INE 6022	Chính sách và các vấn đề tài chính quốc tế <i>International Financial Policy and Issues</i>	2	Nguyễn Hồng Sơn Nguyễn Tiến Dũng	PGS.TS. TS.	KTQT KTQT	ĐHKT, ĐHQGHN
14.	PEC 6123	Quản lý khoa học công nghệ <i>Science and Technology Management</i>	3	Mai Thị Thanh Xuân Trần Đức Hiệp	PGS.TS TS.	KTCT KTCT	ĐHKT, ĐHQGHN
15.	PEC 6126	Chính sách xã hội: các vấn đề và những sự lựa chọn <i>Social Policy: Issues and Options</i>	3	Lê Hồng Huyền Phan Huy Đường	TS GS.TS	KTCT KTCT	Ban KT TƯ ĐHKT, ĐHQGHN
16.	PEC 6127	Quản lý tài nguyên và môi trường <i>Environment and Natural Resources Management</i>	2	Lưu Đức Hải Nguyễn Viết Thành	PGS.TS TS	Địa lý KTH	ĐHKHTN ĐHKT, ĐHQGHN

17.	PEC 6128	Những vấn đề về chính sách thị trường lao động <i>Labour Market Policy Issues</i>	3	Lê Danh Tồn Lê Thị Hồng Điệp	PGS.TS TS	KTCT KTCT	ĐHKHTN ĐHKT, ĐHQGHN
18.	FIN 6140	Quản lý tài chính công <i>Public Financial Management</i>	3	Trần Thị Thái Hà Nguyễn Thế Hùng	PGS.TS TS	TCNH QLKT	ĐHKHTN ĐHKT, ĐHQGHN
19.	PEC 6030	Đàm phán và quản lý xung đột <i>Negotiation and Conflict Management</i>	3	Nguyễn Thị Phi Nga Hoàng Thanh Vân	TS TS	QTKD QTKD	ĐHKHTN ĐHKT, ĐHQGHN
20.	FIN 6021	Quản trị tài chính dành cho các nhà hoạch định chính sách <i>Financial Management for Policy Makers</i>	2	Trần Thị Thái Hà Trần Thị Thanh Tú	PGS.TS. PGS.TS.	TCNH TCNH	ĐHKT, ĐHQGHN
21.	INE 6020	Kinh tế học ứng dụng trong lĩnh vực công <i>Applied Public Sector Economics</i>	2	Phí Mạnh Hồng Bùi Đại Dũng	PGS.TS TS.	KTCT KTH	ĐHKT, ĐHQGHN
22.	PEC 6133	Quản lý an ninh kinh tế <i>Economic Security Management</i>	3	Nguyễn Trúc Lê Nguyễn Trường Thọ	TS TS	QTKD KTCT	ĐHKT, ĐHQGHN Học viện ANND

23.	PEC 6132	Phụ nữ trong quản lý tổ chức công <i>Women in Public Organisational Management</i>	3	Nguyễn Thuỳ Anh Nguyễn Thị Thu Hoài	TS TS	KTCT KTCT	ĐHKT, ĐHQGHN
24.	INE 6105	Lý thuyết kinh tế vi mô <i>Microeconomics Theories</i>	3	Đào Bích Thuỷ Vũ Đức Thanh	TS TS	KTH KTCT	ĐHKT, ĐHQGHN
25.	INE 6103	Lý thuyết kinh tế vĩ mô <i>Macroeconomics Theories</i>	3	Phạm Quỳnh Anh Phạm Quang Vinh	TS TS	KTH KTCT	ĐHKT, ĐHQGHN
26.	PEC 6042	Quản lý kho bạc nhà nước <i>The State Treasury Management</i>	3	Nguyễn Văn Hiệu Lê Hùng Sơn	PGS.TS PGS.TS	TCNH TC công	Trường ĐHKT Kho bạc Nhà nước
27.	PEC 6043	Quản lý ngân sách nhà nước <i>The State budget Management</i>	3	Nguyễn Văn Hiệu Nguyễn Văn Quang	PGS.TS TS.	TCNH QLKT	Trường ĐHKT Kho bạc Nhà nước

5. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

Chương trình sẽ được Trường Đại học Kinh tế thực hiện theo Quy định về đào tạo ở bậc Thạc sĩ của Đại học Quốc gia Hà Nội. Phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ. Sau khi hoàn thành đầy đủ các tín chỉ theo quy định của Chương trình, Học viên sẽ thực hiện viết tiểu luận hoặc luận văn tốt nghiệp. Học viên được yêu cầu tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, các hội nghị, hội thảo khoa học; có cơ hội nhận học bổng từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước

6. So sánh chương trình đào tạo đã xây dựng với chương trình đào tạo tiên tiến của nước ngoài (đã sử dụng để xây dựng chương trình)

a) Giới thiệu về chương trình được sử dụng để xây dựng chương trình

- Tên chương trình (tên ngành/chuyên ngành), tên văn bằng sau khi tốt nghiệp: Thạc sĩ Chính sách công (Master of Public Policy)

- Tên cơ sở đào tạo, nước đào tạo: Trường Chính sách công Lý Quang Diệu, ĐHQG Singapore, Singapore

- Xếp hạng của cơ sở đào tạo, ngành/chuyên ngành đào tạo: Năm 2011, theo The world university rankings, xếp hạng danh tiếng của National University of Singapore là 40, cùng nhóm xếp hạng từ 30 đến 40 với Tokyo University¹.

¹<http://www.timeshighereducation.co.uk/world-university-rankings/2011-2012/asia.html>

b) Bảng so sánh chương trình đào tạo

SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH THẠC SĨ CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VỚI CHƯƠNG TRÌNH THẠC SĨ CHUYÊN NGÀNH CHÍNH SÁCH CÔNG CỦA ĐẠI HỌC QUỐC GIA SINGAPORE

TT	Mã học phần	Tên học phần trong khung chương trình đào tạo của nước ngoài đã sử dụng để xây dựng học phần ----- ĐHQG Singapore	Số tín chỉ	Tên học phần trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kinh tế chính trị của Trường Đại học Kinh tế	Số tín chỉ	Nội dung giống nhau	Ghi chú (Tỷ lệ giống nhau giữa 2 học phần)
1	PEC 6017	Public Management and Leadership	4	Quản lý công và Lãnh đạo	3	Giống nhau cả về tên và nội dung	100%
2	PEC 6039	Introduction to Public Policy and Analysis	4	Phân tích chính sách kinh tế - xã hội nâng cao	3	Đều cung cấp kiến thức về phân tích chính sách, chỉ khác đôi chút về tên học phần	90%
3	PEC 6121	Strategic Management in Public Organisations	4	Quản trị chiến lược các tổ chức công	3	Giống nhau cả về tên và nội dung	100%
4	PEC 6125	States, Markets and International Governance	4	Nhà nước, thị trường và quản trị quốc tế	3	Giống nhau cả về tên và nội dung	100%
5	PEC 6024	Globalisation and Public Policy	4	Toàn cầu hóa và chính sách công	2	Giống nhau cả về tên và nội dung	
6	FIN 6020	Analytical Issues in Money & Banking	4	Phân tích các vấn đề về tiền tệ và ngân hàng	2	Giống nhau cả về tên và nội dung	100%
7	INE 6022	International Financial Policy and Issues	4	Chính sách và các vấn đề tài chính quốc tế	2	Giống nhau cả về tên và nội dung	100%

8	PEC 6123	National Science and Technology Policy Analysis	4	Quản lý khoa học công nghệ	3	Điều cung cấp kiến thức về chính sách quản lý khoa học công nghệ, chỉ khác đôi chút về tên học phần.	90%
9	PEC 6126	Social Policy: Issues and Options	4	Chính sách xã hội: các vấn đề và những sự lựa chọn	3	Giống nhau cả về tên và nội dung	100%
10	PEC 6127	Environmental Policy and Natural Resource Management	4	Quản lý tài nguyên và môi trường	3	Giống nhau cả về tên và nội dung	100%
11	PEC 6128	Labour Market Policy Issues	4	Những vấn đề về chính sách thị trường lao động	3	Giống nhau cả về tên và nội dung	100%
12	FIN 6140	Public Financial Management	4	Quản lý tài chính công	3	Giống nhau cả về tên và nội dung	100%
13	PEC 6130	Negotiation and Conflict Management	4	Đàm phán và quản lý xung đột	3	Giống nhau cả về tên và nội dung	100%
14	FIN 6021	Financial Management for Policy Makers	4	Quản trị tài chính dành cho các nhà hoạt động chính sách	2	Giống nhau cả về tên và nội dung	100%
15	INE 6020	Applied Public Sector Economics	4	Kinh tế học ứng dụng trong lĩnh vực công	2	Giống nhau cả về tên và nội dung	100%
16	PEC 6044	Macroeconomic Programming and Policies	4	Các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô	3	Điều đề cập đến chính sách KT vĩ mô và các công cụ quản lý NN về KT Vĩ mô, chỉ khác đôi chút về tên học phần	90%
17	PEC 6132	Women, Leadership and Public Policy	4	Phụ nữ trong quản lý tổ chức công <i>Women in Public Organisational Management</i>	3	Điều đề cập đến vấn đề bình đẳng giới trong lãnh đạo, quản lý và hoạch định chính sách công, Chỉ khác tên học phần	90%

18	INE 6105	Economics and Public Policy I	4	Lý thuyết kinh tế vi mô <i>Microeconomics Theories</i>	3	đều cung cấp các kiến thức cơ bản và nâng cao về kinh tế vi mô như hành vi người tiêu dùng, hành vi doanh nghiệp... trong cơ chế thị trường, Chỉ khác đôi chút về tên học phần	Giống 90%
19	INE 6103	Economics and Public Policy II	4	Lý thuyết kinh tế vĩ mô <i>Macroeconomics Theories</i>	3	đều cung cấp các kiến thức cơ bản và nâng cao về kinh tế vĩ mô. Chỉ khác đôi chút về tên học phần	90%
20		Politics and Public Policy	4				Không chọn các học phần từ số thứ tự 20 đến 87 do tính đặc thù của chương trình của ĐHQG Singapore và quá nhiều học phần lựa chọn xa chủ đề và triết lý của chương trình tại ĐHKH
21		Public Policy Research and Evaluation	4				
22		Empirical Analysis for Public Policy OR Statistical Techniques for Public Policy	4				
23		Policy Research Design and Methodology	4				
24		Economic Policy in a Global Economy	4				
25		Politics and Policy in Southeast Asia	4				
26		Water Law, Governance and Management in Asia	4				
27		UN and Global Governance	4				
28		Financial Issues, Trade and Investment in Asia	4				
29		Contemporary Financial Policy Issues in Emerging Asia	4				
30		Ethics and the Public Official	4				

31	Changes in Singapore Political Economy	4				
32	Southeast Asia in International Relations	4				
33	Development Policy in Southeast Asia	4				
34	Strategies for Poverty Alleviation	4				
35	Urban Development and Policy	4				
36	Law and Economics	4				
37	Topics in Applied Policy Analysis	4				
38	Topics in Economics or Quantitative Analysis	4				
39	Topics in Institutional or Political Analysis	4				
40	Infrastructure Policy	4				
41	Public Sector Reform in Developing Countries	4				
42	Project Management for the Public Sector	4				
43	Public Policy and Management of Health Systems	4				
44	International Economic Policy	4				
45	International Conflict Resolution	4				
46	Media, Public Opinion and Public Policy	4				

47	Economic Development Policy	4				
48	Institutions and Public Policy	4				
49	Ethnic Politics and Governance in Asia	4				
50	WMD Proliferation and International Security	4				
51	Energy Policy and Security in Asia	4				
52	Financial Regulation and Development	4				
53	Water Policy and Governance	4				
54	International Relations and Diplomacy	4				
55	Crisis Management	4				
56	Intelligence, National Security and Policymaking	4				
57	International Security - Concepts, Issues and Policies	4				
58	Public Roles of the Private Sector	4				
59	Global Issues and Institutions	4				
60	Law and Public Policy	4				
61	Global Health Policy and Issues	4				

62	Urban Transport Policy: A Global View	4				
63	Institutional Design and Analysis	4				
64	Environmental Economics and Public Policy	4				
65	Economic Policy in China	4				
66	Political Risk Analysis	4				
67	Energy Systems and Climate Policy	4				
68	Political Islam and Governance	4				
69	Central Banks and Economic Management	4				
70	Advanced Negotiation	4				
71	Singapore's Development: A Comparative Analysis	4				
72	Health Economics and Public Policy	4				
73	Clusters and National Competitiveness	4				
74	Politics and Development: Approaches, Issues and Cases	4				
75	State-Society Relations in Singapore	4				
76	Comparative Public Management Reform	4				
77	Leadership and Teamwork	4				
78	Policymaking in China: Structure and Process	4				
79	Security in Asia-Pacific	4				

80		The EU and Regional Economic Integration	4			
81		Ruling the Net: IT and Policy Making	4			
82		Dynamic Modelling of Public Policy Systems	4			
83		Aid Governance	4			
84		Trade, Investment and Integration Issues in ASEAN	4			
85		Public Policy for Sustainability	4			
86		Public Policy and Management in Singapore	4			
87		Singapore: The City	4			
88	PHI 5002			Triết học <i>Philosophy</i>	4	Cần để củng cố tư duy cho người học
89	ENG 5001			Tiếng Anh cơ bản (không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy) <i>English for General Purposes</i>	4	Cần để cung cấp kỹ năng/công cụ cho nghiên cứu
90	PEC 6019			Quản lý nhà nước về kinh tế nâng cao <i>Advanced State Management on Economy</i>	3	Cung cấp kiến thức chuyên sâu phù hợp với đặc thù Việt Nam

91	INE 6001			Thiết kế nghiên cứu luận văn <i>Dissertation Research Design</i>	2	cung cấp cho học viên các kỹ năng, công cụ và phương pháp luận để thực hiện một nghiên cứu, cụ thể là những kỹ năng nghiên cứu, viết và sử dụng các nguồn tài liệu	
92	PEC 6133			Quản lý an ninh kinh tế <i>Economic Security Management</i>	3	Bổ sung theo yêu cầu mới của bối cảnh kinh tế quốc gia và quốc tế	

7. Tóm tắt nội dung học phần

1. Triết học

- 1. Mã học phần :** PHI 5002
- 2. Tên học phần :** Triết học
- 3. Số tín chỉ :** 4
- 4. Học phần tiên quyết :** Không
- 5. Nội dung:** Theo chương trình của ĐHQGHN.

2. Tiếng Anh cơ bản

- 1. Mã học phần :** ENG 5001
- 2. Tên học phần :** Tiếng Anh cơ bản
- 3. Số tín chỉ :** 4
- 4. Học phần tiên quyết :** Không
- 5. Nội dung:** Theo chương trình của ĐHQGHN.

3. Quản lý công và lãnh đạo

- 1. Mã học phần :** PEC 6017
- 2. Tên học phần :** Quản lý công và lãnh đạo
- 3. Số tín chỉ :** 3
- 4. Học phần tiên quyết :** không
- 5. Tóm tắt nội dung:**

Môn học giới thiệu cho các học viên các vấn đề về tổ chức công và những vấn đề đặt ra đối với các nhà quản lý công, đặc biệt tập trung vào công tác lãnh đạo trong tổ chức. Theo đó, môn học sẽ tập trung làm rõ về sự phát triển của khu vực hành chính công, các lý thuyết về tổ chức, văn hóa tổ chức, các loại hành vi ứng xử và chủ thể của chúng trong các tổ chức công, và cách thức để quản lý hiệu quả khu vực công cộng, các kỹ năng cần thiết cho nhà lãnh đạo trong tổ chức. Những đặc trưng cơ bản của tổ chức công và những đòi hỏi đặc

thù về kỹ năng và phong cách của nhà lãnh đạo trong tổ chức công. Năng lực lãnh đạo cần thiết và những thách thức đối với công tác lãnh đạo tổ chức công trong thế kỷ 21.

4. Nghèo đói, bất bình đẳng và chính phủ ở các nước kém phát triển

1. Mã học phần: PEC 6119

2. Số tín chỉ: 3

3. Học phần tiên quyết: Không

4. Mục tiêu của học phần:

- Kiến thức:

Môn học cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về nghèo đói và bất bình đẳng ở các nước kém phát triển. Cụ thể, môn học giúp người học đạt được các nội dung chính như:

i) Hiểu được các khái niệm và đặc điểm cũng như cách đo lường nghèo đói và bất bình đẳng (*cấp độ 1*);

ii) Nhận biết được các nhân tố tác động và cách phân tích nghèo đói và bất bình đẳng (*cấp độ 2*);

iii) Hiểu được vai trò và chính sách của chính phủ trong việc xóa đói giảm nghèo và giảm bất bình đẳng (*cấp độ 2*);

iv) Hiểu và vận dụng được các nguyên tắc, các chính sách xóa đói giảm nghèo và thực hiện công bằng xã hội ở Việt Nam (*cấp độ 3*);

- Kỹ năng:

Người học biết được cách phân tích, đánh giá nghèo đói và bất bình đẳng cũng như các nhân tố tác động tới nghèo đói và bất bình đẳng, và vai trò của chính phủ trong giảm nghèo và bất bình đẳng.

5. Tóm tắt nội dung học phần:

Nghèo đói, bất bình đẳng và chính sách của chính phủ ở các nước kém phát triển là một học phần cung cấp cho người học các khái niệm, cách đo lường và phân tích nghèo đói và bất bình đẳng, mối quan hệ giữa bất

bình đẳng và nghèo đói, các nhân tố tác động tới nghèo đói và bất bình đẳng và vai trò của chính phủ trong giảm nghèo và bất bình đẳng nhằm hướng tới mục tiêu nâng cao thu nhập và công bằng xã hội trong phát triển kinh tế-xã hội. Ngoài ra, môn học còn bước đầu phân tích, đánh giá quá trình xóa đói giảm nghèo và giảm thiểu bất bình đẳng ở Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế.

5. Phân tích chính sách kinh tế - xã hội

- 1. Mã học phần** : PEC 6018
- 2. Tên học phần** : Phân tích chính sách kinh tế - xã hội
- 3. Số tín chỉ** : 3
- 4. Học phần tiên quyết:** Không
- 5. Tóm tắt nội dung:**

Môn học nghiên cứu nguồn gốc, bản chất, các nhân tố ảnh hưởng đến các chính sách kinh tế - xã hội, những đòi hỏi đối với hoạt động phân tích chính sách kinh tế - xã hội và các nhà phân tích chính sách. Trên cơ sở đó, môn học xác định các nguyên tắc, mục tiêu, yêu cầu, quy trình và các nội dung cần thực hiện của hoạt động phân tích chính sách trong toàn bộ quá trình chính sách : hoạch định, tổ chức thực hiện, đánh giá và điều chỉnh các chính sách kinh tế - xã hội. Các nội dung nghiên cứu được gắn với các tình huống cụ thể.

6. Quản lý nhà nước về kinh tế nâng cao

- 1. Mã học phần** : PEC 6019
- 2. Tên học phần** : Quản lý nhà nước về kinh tế nâng cao
- 3. Số tín chỉ** : 3
- 4. Học phần tiên quyết:** Không
- 5. Tóm tắt nội dung:**

Quản lý Nhà nước về kinh tế trang bị cho người học những kiến thức cơ bản, có hệ thống về Kinh tế và quản lý Nhà nước về kinh tế trong nền kinh tế

thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Quy luật kinh tế và cơ chế quản lý kinh tế, chức năng quản lý Nhà nước về kinh tế, các nguyên tắc quản lý Nhà nước về kinh tế; Các phương pháp quản lý Nhà nước về kinh tế; Các công cụ quản lý Nhà nước về kinh tế; Vai trò của thông tin và hệ thống thông tin trong quản lý kinh tế, yêu cầu đối với quyết định và quy trình ra quyết định quản lý Nhà nước về kinh tế; Cơ cấu bộ máy quản lý Nhà nước về kinh tế nói chung và của Việt Nam nói riêng, tổng quan về cán bộ công chức quản lý Nhà nước về kinh tế.

7. Quản trị chiến lược các tổ chức công

- 1. Mã học phần** : PEC 6121
- 2. Tên học phần** : Quản trị chiến lược các tổ chức công
- 3. Số tín chỉ** : 3
- 4. Học phần tiên quyết:** Không
- 5. Tóm tắt nội dung:**

Môn học giới thiệu những kiến thức, kỹ năng về quản trị chiến lược gắn với bối cảnh và đặc thù của các tổ chức trong khu vực công như: xác định sứ mệnh, các giá trị cốt lõi và tầm nhìn của tổ chức công; hình thành mục tiêu chiến lược của tổ chức công để thực hiện sứ mệnh; đánh giá thế và lực của tổ chức công; phát hiện thời cơ chiến lược của tổ chức; thực thi chiến lược hướng đích thông qua chuỗi các biện pháp: thay đổi tổ chức; thiết lập hệ thống khuyến khích và trợ lực; phát triển văn hóa mạnh trong tổ chức công; nhận thức và phản ứng với những thay đổi và sai lệch chiến lược nhằm mục tiêu nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức công đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của xã hội.

8. Thiết kế nghiên cứu luận văn

- 1. Mã học phần** : INE 6001
- 2. Tên học phần** : Thiết kế nghiên cứu luận văn
- 3. Số tín chỉ** : 2
- 4. Học phần tiên quyết:** Không

5. Tóm tắt nội dung:

Môn học bao gồm các nội dung sau :

- Giới thiệu về môn học.
- Cách đọc và tổng quan tài liệu.
- Phương pháp xử lý thông tin, số liệu.
- Lựa chọn đề tài.
- Làm đề cương sơ bộ và chi tiết.
- Phương pháp viết luận văn.

9. Nhà nước, thị trường và quản trị quốc tế

1. Mã học phần : PEC 6125

2. Tên học phần : Nhà nước, thị trường và quản trị quốc tế

3. Số tín chỉ : 3

4. Học phần tiên quyết: Không

5. Tóm tắt nội dung:

Những thay đổi trong cấu trúc đương đại của nền kinh tế chính trị toàn cầu đã ngày càng tạo ra những tác động mạnh mẽ đối với các mối quan hệ nhà nước-thị trường, về cả mức độ, phạm vi và quyền hạn của nhà nước đối với các quá trình làm chính sách và các công cụ mà qua đó chính sách công được thực thi. Ba câu hỏi chính mà môn học trả lời là: 1) Liệu có đang diễn ra một sự thay đổi cơ bản trong các mối quan hệ quyền lực giữa các nhà nước và thị trường, và giữa các chủ thể của khu vực công và khu vực tư trong hệ thống quốc tế?; 2) Các hình thức quản trị mới nào đang nổi lên như là hệ quả của quá trình này; 3) Quy mô của sự thay đổi này như thế nào và hàm ý của nó đối với năng lực và quản trị của khu vực công là gì?

10. Phân tích các vấn đề về tiền tệ và ngân hàng

- 1. Mã học phần** : FIN 6020
- 2. Tên học phần** : Phân tích các vấn đề về tiền tệ và ngân hàng
- 3. Số tín chỉ** : 2
- 4. Học phần tiên quyết:** Không
- 5. Tóm tắt nội dung:**

Môn học cung cấp cho học viên mối liên hệ giữa kinh tế vĩ mô với các chính sách tiền tệ, tài chính. Các chủ đề chính bao gồm các nguyên lý kinh tế nền tảng cho các hoạt động ngân hàng và thị trường tài chính. Học viên được nghiên cứu về vai trò của tiền tệ trong nền kinh tế và ảnh hưởng của NHTW tới các luồng tiền tệ trong nền kinh tế, tác động chính sách tiền tệ đối với kinh tế vĩ mô, cũng như thị trường ngoại hối, các nguyên lý cơ bản về tiền tệ và tài chính quốc tế

11. Các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô

- 1. Mã học phần** : PEC 6044
- 2. Tên học phần** : Các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô
- 3. Số tín chỉ** : 3
- 4. Học phần tiên quyết:** Không
- 5. Tóm tắt nội dung:**

Các công cụ quản lý vĩ mô có nhiều nội dung. Người học cần được trang bị kiến thức cơ bản, cần thiết có hệ thống các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô. Đó là: Đường lối, chiến lược phát triển kinh tế xã hội. Hoạt động các kế hoạch phát triển kinh tế; pháp luật trong quản lý kinh tế; chính sách kinh tế vĩ mô; các công cụ vật chất và văn hóa trong quản lý kinh tế vĩ mô.

12. Toàn cầu hóa và chính sách công

- 1. Mã học phần** : PEC 6024
- 2. Tên học phần** : Toàn cầu hóa và chính sách công
- 3. Số tín chỉ** : 2

4. Học phần tiên quyết: Không

5. Tóm tắt nội dung:

Môn học phân tích quá trình toàn cầu hóa ảnh hưởng và bị ảnh hưởng bởi những chính sách của các quốc gia như thế nào. Mục tiêu của môn học là làm rõ những cơ hội cũng như những hạn chế do quá trình và cơ cấu toàn cầu mang lại cho các nhà hoạch định chính sách quốc gia. Các chủ đề được đề cập trong môn học bao gồm đầu tư, sản xuất, thương mại, an ninh và quản trị quốc tế. Phương pháp tiếp cận môn học bao gồm cả lý thuyết và các vấn đề thực tế

13. Chính sách và các vấn đề tài chính quốc tế

1. Mã học phần : INE 6022

2. Tên học phần : Chính sách và các vấn đề tài chính quốc tế

3. Số tín chỉ : 2

4. Học phần tiên quyết: Không

5. Tóm tắt nội dung:

Môn học này xem xét các vấn đề về tài chính và tiền tệ quốc tế và cung cấp cho học viên các mô hình xác định tỷ lệ hối đoái danh nghĩa và thực tế. Môn học này nhấn mạnh tới sự phát triển cả lý thuyết và thực tế xác định tỷ giá hối đoái. Đặc biệt, môn học xem xét vai trò của các mức giá cả tương đối và vai trò của các nền tảng kinh tế vĩ mô, ví dụ như cung tiền tương đối, trong việc xác định tỷ giá hối đoái danh nghĩa. Môn học cũng thảo luận về các cách tiếp cận nhằm mô hình hóa tỷ giá hối đoái cân bằng thực tế. Sau đó, môn học xem xét các trường hợp có liên quan đến việc kết thúc một chế độ tỷ giá nào đó. Cuối cùng, môn học giới thiệu cho học viên hoạt động Liên minh tiền tệ châu Âu và cách thức điều chỉnh những cú sốc kinh tế.

14. Quản lý Khoa học công nghệ

1. Mã học phần : PEC 6123

2. Tên học phần : Quản lý Khoa học công nghệ

3. Số tín chỉ : 3

4. Học phần tiên quyết: Không

5. Tóm tắt nội dung:

Môn học nghiên cứu những đóng góp của khoa học và công nghệ đối với quá trình phát triển kinh tế quốc gia và làm rõ được vai trò của chính sách của chính phủ đối với khoa học và công nghệ. Môn học xung hệ thống những khái niệm và công cụ phân tích trong việc xây dựng và đánh giá những chính sách có liên quan đến khoa học và công nghệ, đồng thời môn học cũng phân tích những cơ cấu thể chế và quá trình thực thi chính sách. Những tình huống nghiên cứu thực tế về hệ thống kế hoạch khoa học và công nghệ cũng như những kinh nghiệm về khoa học và công nghệ của một số quốc gia phát triển và mới nổi cũng sẽ được trình bày để có cái nhìn thực tế hơn về chính sách khoa học và công nghệ của Việt Nam.

15. Chính sách xã hội: các vấn đề và những sự lựa chọn

1. Mã học phần : PEC 6126

2. Tên học phần : Chính sách xã hội: các vấn đề và những sự lựa chọn

3. Số tín chỉ : 3

4. Học phần tiên quyết: Không

5. Tóm tắt nội dung:

Môn học trình bày những vấn đề liên quan đến chính sách xã hội, trong đó nhấn mạnh đến những chính sách xã hội của Việt Nam. Môn học hướng dẫn học viên nghiên cứu các lý thuyết cơ bản về phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội; kinh nghiệm của thế giới, đặc biệt là của các nước trong khu vực về phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội; từ đó rút ra những bài học để nâng cao hiệu năng quản lý xã hội ở Việt Nam. Đồng thời, môn học cũng nghiên cứu tác động của các yếu tố toàn cầu hoá, cách mạng khoa học và công nghệ, kinh tế thị trường... tác động đến phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội.

16. Quản lý tài nguyên và môi trường

- 1. Mã học phần** : PEC 6127
- 2. Tên học phần** : Quản lý tài nguyên và môi trường
- 3. Số tín chỉ** : 3
- 4. Học phần tiên quyết:** Không
- 5. Tóm tắt nội dung:**

Môn học bao quát nội dung kiến thức rộng bao gồm kiến thức về tài nguyên, môi trường và quản lý; liên quan đến hoạt động của nhiều ngành kinh tế đất nước. Môn học hệ thống hóa những kiến thức về các loại hình tài nguyên thiên nhiên và các yếu tố môi trường: cơ sở lý luận và phương pháp luận quản lý tài nguyên và môi trường, có liên hệ với thực tiễn chính sách và các văn bản quản lý nhà nước của Việt Nam.

Kết thúc môn học, học viên sẽ nắm bắt được: kiến thức về bản chất tài nguyên và yếu tố môi trường; các nguyên lý và phương pháp quản lý các dạng tài nguyên thiên nhiên cơ bản; nguyên lý và các công cụ quản lý môi trường chủ yếu.

Môn học cũng được thiết kế nhà trang bị cho học viên những kỹ năng tổ chức thực hiện công tác quản lý tài nguyên và môi trường, chủ trì hoặc tham gia qua trình xây dựng các văn bản quản lý tài nguyên và môi trường cho các cơ quan quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương.

17. Những vấn đề về chính sách thị trường lao động

- 1. Mã học phần** : PEC 6128
- 2. Tên học phần** : Những vấn đề về chính sách thị trường lao động
- 3. Số tín chỉ** : 3
- 4. Học phần tiên quyết:** Không
- 5. Tóm tắt nội dung:**

Môn học trang bị những kiến thức về hoạt động của thị trường lao động trên cơ sở những công cụ phân tích kinh tế. Môn học cũng trình bày những kiến thức về các thể chế và chính sách công có hiệu lực như thế nào đối với hợp đồng, điều khoản và điều kiện do người lao động và doanh nghiệp thỏa

thuận trên thị trường lao động. Môn học cũng nghiên cứu những xu hướng và sự phát triển của thị trường lao động và nghiên cứu những vấn đề thời sự trên thị trường lao động. Những chủ đề chính bao gồm những thành phần tham gia/hoặc không tham gia trên thị trường lao động, giá trị của các chương trình đảm bảo an sinh thu nhập, mức lương tối thiểu, chính sách giáo dục và đào tạo, tác động của nhập cư và di cư, mối quan hệ giữa năng xuất và hệ thống lương, thách thức của quá trình toàn cầu hóa đến lao động

18. Quản lý tài chính công

- 1. Mã học phần** : FIN 6140
- 2. Tên học phần** : Quản lý tài chính công
- 3. Số tín chỉ** : 2
- 4. Học phần tiên quyết:** Không
- 5. Tóm tắt nội dung:**

Môn học cung cấp những kiến thức về hoạt động tài chính của các tổ chức công, qua đó hiểu được hiệu quả cũng như ảnh hưởng của những tổ chức này. Những kiến thức này cung cấp nền tảng cho việc quản lý tài chính công. Môn học này cũng nghiên cứu những khái niệm và phương pháp cốt lõi trong quản trị tài chính công. Các chủ đề của môn học bao gồm xây dựng và thực thi ngân sách, hoạt động ngân sách và thể chế, báo cáo tài chính, phân tích báo cáo tài chính và các hoạt động tài chính, trong đó tập trung nhất vào sự phát triển cũng như sử dụng ngân sách, thông tin tài chính công trong quản trị khu vực công và ra quyết định. Những liên hệ thực tế về Việt Nam và một số quốc gia tiêu biểu cũng sẽ được nghiên cứu.

19. Đàm phán và quản lý xung đột

- 1. Mã học phần** : PEC 6130
- 2. Tên học phần** : Đàm phán và quản lý xung đột
- 3. Số tín chỉ** : 2
- 4. Học phần tiên quyết:** Không
- 5. Tóm tắt nội dung:**

Môn học tập trung giảng dạy về (1) bản chất của xung đột; (2) bản chất của các vấn đề phát sinh khi giải quyết xung đột; (3) cụ thể hơn là bản chất của quá trình đàm phán và cách thức để đạt hiệu quả trong đàm phán; (4) cách thức vận dụng cơ chế giải quyết xung đột vào thực tiễn, từ đó tìm ra vai trò của nhà quản lý trong từng trường hợp cụ thể; và (5) cách thức vận dụng kỹ năng đàm phán trong các giao dịch thực tế.

20. Quản trị tài chính dành cho các nhà hoạch định chính sách

- 1. Mã học phần** : FIN 6021
- 2. Tên học phần** : Quản trị tài chính dành cho các nhà hoạch định chính sách
- 3. Số tín chỉ** : 2
- 4. Học phần tiên quyết:** Không
- 5. Tóm tắt nội dung:**

Môn học trang bị cho người học những khái niệm và công cụ cơ bản về quản trị tài chính, với điểm nhấn là những ứng dụng và hàm ý dành cho quản lý và xây dựng chính sách công. Các chủ đề được trình bày trong môn học bao gồm giá trị của dòng tiền, lãi suất và lãi trái phiếu, rủi ro và lợi xuất, mô hình định giá vốn, đánh giá hoạt động doanh nghiệp, định giá trái phiếu và cổ phiếu, xây dựng ngân sách, quản trị rủi ro và các công cụ phái sinh; mua bán và sát nhập; chiến lược đầu tư, những ứng dụng của công cụ, khái niệm về quản trị tài chính trong phân tích và quản lý chính sách.

21. Kinh tế học ứng dụng trong lĩnh vực công

- 1. Mã học phần** : INE 6020
- 2. Tên học phần** : Kinh tế học ứng dụng trong lĩnh vực công
- 3. Số tín chỉ** : 2
- 4. Học phần tiên quyết:** Không
- 5. Tóm tắt nội dung:**

Học phần trang bị cho học viên những nền tảng lý thuyết cơ bản để luận giải cho sự can thiệp của chính phủ trong nền kinh tế thị trường. Môn học sẽ giúp học viên thấy được các doanh nghiệp khi hoạt động trong thị trường sẽ chịu tác động như thế nào dưới sự can thiệp của chính phủ và họ có thể tham gia được vào các hoạt động nào trong nền kinh tế để cùng chính phủ giải quyết các khiếm khuyết của thị trường, qua đó nâng cao trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Thông qua các công cụ chính sách mà chính phủ đã can thiệp vào thị trường, các doanh nghiệp sẽ cung cấp các thông tin phản hồi để giúp cho công tác hoạch định chính sách tránh được sự can thiệp mang tính duy ý chí hoặc can thiệp quá sâu vào sự vận hành của cơ chế thị trường.

22. Quản lý an ninh kinh tế

- 1. Mã học phần** : PEC 6133
- 2. Tên học phần** : Quản lý an ninh kinh tế
- 3. Số tín chỉ** : 3
- 4. Học phần tiên quyết:** Không
- 5. Tóm tắt nội dung:**

Môn học Quản lý an ninh kinh tế là môn học trang bị cho học viên kiến thức nâng cao về quản lý an ninh kinh tế tiếp cận từ góc độ của cơ quan quản lý nhà nước. Môn học sẽ cung cấp những kiến thức cơ bản về an ninh kinh tế bao gồm: mục tiêu, yêu cầu, nội dung về quản lý an ninh kinh tế từ góc độ nhà nước; những nguy cơ đe dọa đến an ninh kinh tế ở nước ta hiện nay và công tác tổ chức, phân cấp của nhà nước trong quản lý an ninh kinh tế.

Môn học cung cấp những kiến thức thực tiễn trong quản lý nhà nước đối với các lĩnh vực tài chính-ngân hàng, công nghiệp, năng lượng, nông nghiệp, nông thôn, môi trường bao gồm nội dung quản lý, các nguy cơ và biện pháp hạn chế, phòng ngừa.

23. Phụ nữ trong quản lý tổ chức công

- 1. Mã học phần** : PEC 6132
- 2. Tên học phần** : Phụ nữ trong quản lý tổ chức công
- 3. Số tín chỉ** : 3
- 4. Học phần tiên quyết:** Không
- 5. Tóm tắt nội dung:**

Môn học tập chung vào việc giới thiệu các nội dung về phụ nữ trong quản lý tổ chức công. Môn học có kết cấu làm 3 chương, cụ thể như sau: (i) Giới thiệu về quyền bình đẳng của phụ nữ; (ii) Phụ nữ trong quản lý; (iii) Phụ nữ trong quản lý tổ chức công. Nội dung môn học sẽ cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản về vai trò, vị trí của phụ nữ trong xã hội cũng như những vấn đề cơ bản về giới tính, các nhân tố ảnh hưởng đến quyền nữ giới và cách mạng bình đẳng giới. Bên cạnh giới thiệu về phụ nữ và sự lãnh đạo trong kinh doanh, trong quân đội, trong các cơ quan chính trị, và tìm hiểu khả năng lãnh đạo và quyền lực, môn học cũng đề cập đến tương lai của lãnh đạo nữ, những mâu thuẫn và thách thức của phụ nữ trong quản lý. Cuối cùng, môn học giúp học viên hiểu được vai trò của phụ nữ trong các tổ chức công qua các trường hợp điển hình.

24. Lý thuyết kinh tế vi mô

- 1. Mã học phần** : INE 6105
- 2. Tên học phần** : Lý thuyết Kinh tế Vi mô
- 3. Số tín chỉ** : 3
- 4. Học phần tiên quyết:** Không
- 5. Tóm tắt nội dung:**

Môn học cung cấp học viên kiến thức nâng cao về kinh tế học vi mô, giúp học viên hiểu được sự phát triển của các lý thuyết, các mô hình và cung cấp các công cụ phân tích. Các chủ đề cụ thể gồm lý thuyết trò chơi, độc quyền và cấu trúc thị trường, bất bình đẳng, tính rủi ro, và lý thuyết về sự lựa chọn. Hai bài toán cơ bản của kinh tế học vi mô: phân tích cân bằng và phân tích tối ưu hoá.

Lý thuyết về cầu: sở thích của người tiêu dùng; điểm lựa chọn tối ưu của người tiêu dùng; nhu cầu cá nhân và nhu cầu thị trường; mở rộng lý thuyết cầu. Sản xuất và chi phí: hàm sản xuất; sản xuất trong ngắn hạn; sản xuất trong dài hạn; các hàm chi phí; chi phí ngắn hạn và chi phí dài hạn; phân tích sản xuất và chi phí bằng đại số. Thị trường đầu ra: mô hình tối đa hoá lợi nhuận của doanh nghiệp; thị trường cạnh tranh hoàn hảo; thị trường độc quyền; cạnh tranh độc quyền và độc quyền nhóm. Thị trường các yếu tố sản xuất: thị trường cạnh tranh; sức mạnh độc quyền; phân phối thu nhập trong nền kinh tế thị trường. Các thất bại thị trường: các điều kiện về hiệu quả kinh tế; thị trường cạnh tranh hoàn hảo và hiệu quả kinh tế; các thất bại thị trường...

25. Lý thuyết kinh tế vĩ mô

- 1. Mã học phần** : INE 6103
- 2. Tên học phần** : Lý thuyết Kinh tế vĩ mô
- 3. Số tín chỉ** : 3
- 4. Học phần tiên quyết:** Không
- 5. Tóm tắt nội dung:**

Môn học tập trung vào việc giải quyết các vấn đề kinh tế vĩ mô hiện đại như: lý thuyết về sự tăng trưởng trong dài hạn, lý thuyết về hộ gia đình và định giá tài sản, thương mại hàng hóa và tài sản, chu kỳ kinh doanh, và chính sách tiền tệ. Cách tiếp cận thống nhất của các lý thuyết dựa trên nguyên lý tối đa hóa độ thỏa dụng của các hộ gia đình, tối đa hóa lợi nhuận của công ty và lý thuyết điều chỉnh giá trong bối cảnh thị trường minh bạch và cân bằng. Cuối cùng, các số liệu kinh tế vĩ mô của thế giới và Việt Nam sẽ được giới thiệu và thảo luận để giúp học viên hiểu rõ và dự đoán được các vấn đề có thể xảy ra theo lý thuyết.

26. Quản lý kho bạc nhà nước

- 1. Mã học phần** : PEC 6042
- 2. Tên học phần** : Ngân sách nhà nước

3. Số tín chỉ : 2

4. Học phần tiên quyết: Không

5. Tóm tắt nội dung:

Tổng quan về ngân sách nhà nước, phân cấp ngân sách nhà nước, chu trình quản lý ngân sách nhà nước, cân đối ngân sách nhà nước, thu ngân sách nhà nước và quản lý các nguồn thu, chi ngân sách và quản lý các khoản chi của ngân sách nhà nước. Nghiên cứu các nội dung về ngân sách nhà nước, phân cấp ngân sách nhà nước, chu trình quản lý ngân sách nhà nước, cân đối ngân sách nhà nước, thu ngân sách nhà nước và quản lý các nguồn thu, chi ngân sách và quản lý các khoản chi của ngân sách nhà nước.

27. Quản lý ngân sách nhà nước

1. Mã học phần : PEC 6043

2. Tên học phần : Kho bạc nhà nước

3. Số tín chỉ : 2

4. Học phần tiên quyết: Không

5. Tóm tắt nội dung:

Tổng quan vai trò, các hoạt động của KBNN trong công tác quản lý quỹ NSNN và các quỹ Tài chính nhà nước, quản lý ngân quỹ và nợ Chính phủ, tổng kế toán nhà nước. Nghiên cứu các nội dung về quản lý quỹ NSNN và các quỹ Tài chính nhà nước, quản lý ngân quỹ và nợ Chính phủ, tổng kế toán nhà nước.

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Hồng Sơn